

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 19-9-2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông D Văn Ngạn và bà Nguyễn Thị Thúy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (AgriBank).

Địa chỉ trụ sở: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Cẩm Giàng Hải Dương (theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNNo-PC ngày 01/12/2022).

Người được ủy quyền của ông Vũ Anh Đ: Ông Đặng Sỹ L - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Tân Trường (theo Giấy ủy quyền số 528/UQ-NHNo.CG ngày 08/9/2023).

Địa chỉ trụ sở: thôn TT, xã TT, huyện CG, tỉnh HD

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1974 và bà Lương Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: thôn LX, xã CP, huyện CG, tỉnh HD.

(Tại phiên tòa có mặt: Ông L, ông D. Vắng mặt: bà L).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ s, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) trình bày:

Ngày 30/5/2019, Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt: Ngân hàng) Chi nhánh huyện Cẩm Giàng - Phòng giao dịch Tân Trường và ông Nguyễn Hữu D, bà Lương Thị L đã ký kết hợp đồng tín dụng số 306LAV20190117 với nội dung cho ông D, bà L vay số tiền 70.000.000đồng, mục đích vay vốn cải tạo lán xưởng sản xuất đồ gỗ, thời hạn vay 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/5/2021. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm trên nợ gốc, lãi quá hạn sẽ tính lãi bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển dư nợ quá hạn và ngân hàng được quyền tự động điều chỉnh lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. Ngân hàng đã giải ngân cho ông D, bà L đủ số tiền vay theo phụ lục hợp đồng tín dụng vào ngày 30/5/2019. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 306LAV20190117 ngày 30/5/2019 thì ông D bà L không phải dùng bất cứ tài sản gì để thế chấp nhưng trong phương án sử dụng vốn vay ông bà nộp cho ngân hàng có cam kết nguồn trả nợ bằng nguồn khác là gia đình có diện tích 55m² theo GCNQSD đất số AI 950680 cấp ngày 26/11/2007 được cấp mang tên Nguyễn Hữu D, bà Lương Thị L. Phương án này được UBND xã Cẩm Phúc xác nhận vào ngày 29/5/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D bà L đã trả được 17.358.801đồng số tiền gốc và tiền lãi 7.330.038đồng. Từ ngày 01/6/2020 ông D bà L không trả được đồng nợ gốc, nợ lãi nào, do vậy ông D bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai

bên thỏa thuận ký kết, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo và công văn yêu cầu ông D bà L về thu hồi toàn bộ dư nợ khoản vay nhưng ông D bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Hữu D, bà Lương Thị L có trách nhiệm thanh toán trả nợ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2306LAV20190117 được ký kết ngày 30/5/2019 tính đến ngày xét xử 19/9/2024 với số tiền: 91.672.129đồng (trong đó: Nợ gốc 52.641.199đồng, lãi trong hạn là: 28.422.066đồng, lãi quá hạn 10.547.590đồng và phí chậm trả 61.274đồng).

2. Tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2306LAV20190117 ngày 30/5/2019 kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử (20/9/2024) cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp ông Nguyễn Hữu D, bà Lương Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D, bà L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của ông D, bà L là: Quyền sử dụng đất tại thửa số 250, tờ bản đồ 09, diện tích 55m² địa chỉ thửa đất tại thôn LX, xã CP, huyện CG, tỉnh HD đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu D và bà Lương Thị L do UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/11/2007 được vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số H1863 QSDĐ/UBND-CG.

Trường hợp ông D, bà L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông D bà L vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản vượt quá số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải hoàn trả cho người sử dụng hợp pháp số tiền vượt quá.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn là ông D, bà L nhưng bị đơn đều không đến làm việc. Cán bộ Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà ông D, bà L để tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, đồng thời tiến hành lấy lời khai thì ông D, bà L đều đi làm không có nhà nên không ghi được lời khai. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục tổng đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn như: Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương: Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thời điểm giải quyết vụ án ông D bà L đã làm thủ tục ly hôn từ tháng 3 năm 2023 được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết cho ly hôn thể hiện tại Quyết định số 36/2023/QĐST- HNGĐ ngày 30/3/2023, nhưng vẫn có hộ khẩu thường trú, thường xuyên cư trú sinh sống tại thôn LX, xã CP, huyện CG, tỉnh HD chưa làm thủ tục chuyển khẩu, đăng ký tạm vắng đi nơi khác.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng ấn định lịch xét xử vụ án vào ngày 30/8/2024 bị đơn đều vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa thì ông D, bà L đến Tòa án trình bày quan điểm:

Tại lời khai ngày 30/8/2024 bị đơn ông Nguyễn Hữu D trình bày: Vào năm 2019, ông và bà L còn quan hệ là vợ chồng cùng nhau ký hợp đồng tín dụng số 2306LAV20190117 ngày 30/5/2019 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Cẩm Giàng- Phòng giao dịch Tân Trường là đúng, chính xác. Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ ký kết giữa ngân hàng và ông bà được lập, ký tại trụ sở ngân hàng Agribank Phòng giao dịch Tân Trường trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, thiện chí không bị ai ép buộc, lừa dối, không vi phạm đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Ngân hàng đồng ý giải ngân cho vay số tiền 70.000.000đồng; mục đích sử dụng tiền vay để cải tạo lán xưởng sản xuất đồ gỗ; thời hạn cho vay: 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào

ngày 30/5/2021. Sau khi được ngân hàng giải ngân số tiền trên thì ông đã sử dụng riêng cá nhân không liên quan đến bà L, không liên quan đến sinh hoạt chung của gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông mới thanh toán trả được một phần nợ lãi, nợ gốc nhưng do lâu ngày ông không nhớ ngày tháng, số tiền đã thanh toán cho ngân hàng. Từ 01/6/2020 do khó khăn về kinh tế nên ông không trả được khoản tiền gốc, lãi nào. Do tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên ngày 30/3/2023 ông và bà L được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2023/QĐST- HNGĐ nhưng ông bà chưa giải quyết về khoản vay nợ với ngân hàng. Nay, ngân hàng khởi kiện ông hoàn toàn nhất trí. Trước khi ly hôn ông và bà L thỏa thuận bằng lời nói với nhau không có văn bản, ông sẽ có trách nhiệm trả nợ toàn bộ gốc, lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với ngân hàng. Ông xác định đây là khoản nợ riêng cá nhân của ông với ngân hàng, không liên quan đến bà L, do vậy ông sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, đồng thời đề nghị Tòa án cho ông được trả dần bởi thực tế thời điểm này ông gặp khó khăn về kinh tế không có khả năng thanh toán ngay một lần được. Nếu ngân hàng không đồng ý, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông không trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Lương Thị L (bị đơn) vào ngày 30/8/2024: Năm 2019, bà và ông D là vợ chồng có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Cẩm Giàng - Phòng giao dịch Tân Trường số tiền 70.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2306LAV20190117 ngày 30/5/2019 là đúng. Mục đích sử dụng tiền vay để cải tạo lán xưởng sản xuất đồ gỗ; thời hạn cho vay: 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/5/2021; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm trên nợ gốc; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển dư nợ quá hạn. Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân. Phương thức thanh toán và trả lãi là hàng tháng. Ngày 30/5/2019, ông D đã nhận đủ số tiền ngân hàng giải ngân, sau đó ông D đã sử dụng số tiền đó vào việc riêng cá nhân ông D, ông sử dụng vào việc gì bà không biết, không sử dụng

vào mục đích chung và sinh hoạt của gia đình, ông D đã thừa nhận việc này. Do tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc nên ngày 30/3/2023 bà và ông D được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng công nhận thuận tình ly hôn tại Quyết định số 36/2023/QĐST- HNGĐ nhưng chưa giải quyết về khoản vay nợ của ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và ông D phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2306LAV20190117 ngày 30/5/2019 đã được ký đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và trường hợp bà và ông D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp để thu hồi nợ thì bà không nhất trí. Thực tế bà và ông D thống nhất đây là khoản nợ riêng, ông D sử dụng mục đích riêng không liên quan đến bà. Do vậy, bà không có trách nhiệm thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng trình bày: Sau khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ và trước khi ngân hàng khởi kiện làm việc với ông D và ông D thừa nhận việc vay tiền của ngân hàng là khoản nợ riêng của cá nhân ông không liên quan đến bà L, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do vậy, ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông D phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho ngân hàng theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ngân hàng mà không yêu cầu bà L phải có trách nhiệm liên đới đối với số tiền mà ông D vay. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất với nhau về phương thức nghĩa vụ trả nợ, cụ thể bị đơn ông D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Về phương thức thanh toán: ông D có trách nhiệm thanh toán vào ngày 25 dương lịch hàng tháng số tiền 5.000.000đồng/tháng tiền gốc, lãi cho ngân hàng, kể từ tháng 10 năm 2024 đến khi tất toán xong khoản nợ.

Bị đơn ông D trình bày: Xác định việc vay ngân hàng là khoản vay riêng của ông nên ông nhất trí thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng khởi kiện. Về phương thức thanh toán: đề nghị Tòa án ghi nhận cho bị đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán vào ngày 25 dương lịch hàng

tháng số tiền 5.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 10 năm 2024 đến khi tất toán xong khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 117; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank, buộc ông Nguyễn Hữu Dương phải trả cho Ngân hàng Agribank tạm tính đến ngày xét xử số tiền nợ gốc: 52.641.199đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

- Ông D tiếp tục phải trả cho ngân hàng Agribank khoản nợ lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu Dương không trả nợ, Ngân hàng Agribank được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Dương phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Tại đơn khởi kiện: Ngân hàng xác định ông Nguyễn Hữu D, bà Lương Thị L là bị đơn trong vụ án, đồng thời đề nghị Tòa án buộc ông D, bà L có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Sau khi Ngân hàng biết việc ông D vay tiền của ngân hàng để sử dụng mục đích riêng không liên quan đến mục đích sử dụng chung của gia đình, không liên quan đến bà Lương Thị L. Do vậy, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi và chỉ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho ngân hàng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giải quyết theo quy định.

1.2. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hữu D đang cư trú tại thôn LX, xã CP, huyện CG, tỉnh HD. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Xét giá trị pháp lý của Hợp đồng tín dụng số 2306LAV20190117 ngày 30/5/2019 thì thấy: Hợp đồng tín dụng được ký giữa ngân hàng và ông D bà L và giấy nhận nợ được giao kết trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết đúng ý chí về số tiền vay, lãi suất, cách thức tính lãi suất. Hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng, đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ được lập thành văn bản hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên kể từ ngày ký. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay, bên nhận đã nhận đủ số tiền giải ngân và không có ý kiến gì. Do vậy, hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ có giá trị pháp lý, là cơ sở để các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau.

2.2. Xét nghĩa vụ thanh toán nợ, Hội đồng xét xử đánh giá: Toàn bộ hồ sơ liên quan đến khoản vay nợ của ông D, bà L được ký kết tại Ngân hàng là do ông bà tự nguyện ký. Số tiền đã giải ngân cho ông D và ông D đã nhận đủ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông D xác định đây là khoản vay riêng không liên

quan đến bà L. Quan điểm bà L cũng nhất trí, ngân hàng đồng ý với ý kiến của bị đơn về việc xác định khoản nợ riêng. Do vậy, căn cứ vào quy định của pháp luật dân sự, căn cứ vào ý kiến của các bên Hội đồng xét xử ghi nhận và xác định khoản nợ ngân hàng là khoản nợ riêng của ông D nên ông D phải có trách nhiệm thanh toán nợ.

2.3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2024 với số tiền: 91.672.129đồng (trong đó: Nợ gốc 52.641.199đồng, lãi trong hạn là: 28.422.066đồng, lãi quá hạn 10.547.590 đồng và phí chậm trả 61.274đồng) thì thấy:

- Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi suất: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn đều được hai bên ký một cách tự nguyện, đúng pháp luật. Trong Hợp đồng tín dụng hai bên cũng đã thỏa thuận về phương thức thanh toán, lãi suất. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện đúng thỏa thuận về phương thức thanh toán, vi phạm nghĩa vụ của người vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất với nhau toàn bộ số dư nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng tín dụng chưa được thanh toán tạm tính đến ngày xét xử (19/9/2024) với số tiền: 91.672.129đồng (trong đó: Nợ gốc 52.641.199đồng, lãi trong hạn là: 28.422.066đồng, lãi quá hạn 10.547.590 đồng và phí chậm trả 61.274đồng). Bị đơn hoàn toàn nhất trí. Xét sự thỏa thuận thanh toán nợ trên của nguyên đơn, bị đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về phương thức thanh toán: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau, bị đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền 5.000.000đồng vào ngày 25 (ương lịch) hàng tháng, kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Hội đồng xét xử xét thấy phương thức thanh toán mà bị đơn đưa ra được nguyên đơn chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử xét sự thỏa thuận phương thức thanh toán của nguyên đơn, bị đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Hữu D vi phạm nghĩa vụ trả nợ một lần thì nguyên đơn ngân hàng có quyền yêu cầu buộc bị đơn ông D phải trả toàn bộ số tiền vay trong một lần.

2.4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hữu D phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 117; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam.

- Buộc ông Nguyễn Hữu D phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2306LAV20190117 ngày 30/5/2019, tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 19/9/2024 với số tiền: 91.672.129đồng (trong đó: Nợ gốc 52.641.199đồng, lãi trong hạn là: 28.422.066đồng, lãi quá hạn 10.547.590đồng và phí chậm trả 61.274đồng).

Về phương thức thanh toán: Bị đơn ông Nguyễn Hữu D sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền 5.000.000đồng vào ngày 25 (dương lịch) hàng tháng, kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Hữu D vi phạm nghĩa vụ trả nợ một lần thì nguyên đơn ngân hàng có quyền yêu cầu buộc bị đơn ông D phải trả toàn bộ số tiền vay trong một lần.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu D tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.583.606đồng.

- Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 2.000.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: BLTU/23 số 0000146 ngày 15/4/2024 tại Chi cục

thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (do bà Phạm Thị Thu Hà nộp thay cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Hà

tích đất phía sau nhà”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “*Xử bác yêu cầu: Ông Vũ Khánh Ngoạn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất ao phía sau nhà tại thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (theo sổ đăng ký ruộng đất 299 và bản đồ 299 phần diện tích đất ao thuộc thửa 29, tờ bản đồ 03).*”

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào